TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28/02/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Bền
2. Bà Nguyễn Thị Hồng

-Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2021/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998. ĐKHKTT: Thôn A, xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã B, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

(*Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D và ông D vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh Phạm Văn D trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã An T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 24/02/2017. Sau ngày cưới vợ chồng ăn ở chung cùng với bố mẹ chồng, cả hai đều làm công ty đến năm 2019 anh D không

làm công ty mà đi lái xe thuê. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, kinh tế gặp khó khăn nhưng anh D không tu trí làm ăn, thường hay chơi bời chị có tham gia với anh D, anh D không nghe chị tham gia mà còn đánh cả chị. Khoảng tháng 6/2018 do chán nản nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ để ở cho tới nay, trong thời gian chị về nhà mẹ đẻ chị ở anh D có sang tìm gọi chị về để vợ chồng chung sống, nhưng chị thấy không thể tiếp tục chung sống được với anh D nữa nên không quay về chung sống. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Văn L, sinh ngày 28/6/2017; hiện nay con đang ở với anh D ly hôn chị đề nghị để cho anh D được tiếp tục nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản, tài liệu hợp lệ cho bị đơn là anh Phạm Văn D và nhiều lần triệu tập anh D đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng anh D không đến Tòa án làm việc.

Tòa án cũng tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh D, chị H. Tại biên bản xác minh ngày 06/01/2022, đại diện lãnh đạo xã A, đại diện Hội phụ nữ xã, Công chức Tư pháp - hộ tịch xã và trưởng thôn A, xã A đều xác định: Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất với nhau trong công việc, anh D mải chơi, không tu trí làm ăn, nên dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Do chán nản nên chị H đã về nhà mẹ đẻ ở huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương sinh sống. Nay chị H xin ly hôn với anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: Có 01 con là Phạm Văn L, sinh ngày 28/6/2017 hiện nay đang ở với anh D. Ly hôn đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Ông Phạm Văn D là bố đẻ của anh D trình bày: Trong cuộc sống, anh D và chị H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị Huyền giận dỗi đã bỏ nhà đi liên tục khoảng 4 lần mỗi lần chị H đi như vậy anh D phải đi tìm gọi chị H thì chị H mới về. Tháng 6/2019 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn vợ chồng cãi nhau và chị H lại bỏ đi cho tới nay. Nay chị H xin ly hôn với anh D, quan điểm của ông mong muốn anh, chị đoàn tụ với nhau còn chị H cứ cương quyết xin ly hôn với anh D, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Phạm Văn L, sinh ngày 28/6/2017 hiện nay cháu đang ở với anh D và gia đình ông, từ ngày chị H bỏ đi chưa một lần nào về thăm con, nếu ly hôn đề nghị Tòa án nên giao cho anh D được tiếp tục nuôi cháu, gia đình sẽ hỗ trợ và kinh tế cũng như nơi ăn chỗ ở để cháu phát triển tốt. Hiện anh D đang lái xe tải thường xuyên phải đi làm xa do công việc bận anh D không đến Tòa án làm

việc được. Anh D có quan điểm được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18 tháng 02 năm 2022, bị đơn là anh Phạm Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn với anh D và đề nghị để cho anh D tiếp tục nuôi con chung. Anh D vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 78 của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí toà án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H, đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn D; Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Phạm Văn L, sinh ngày 28/6/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn D đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh D vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu H, anh Phạm Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 24/02/2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hôn nhân

hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị H, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng là ông Phạm Văn D có căn cứ xác định trong cuộc sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, không tôn trọng nhau. Từ tháng 6/2019 đến nay, anh chị đã sống ly thân. Anh D cũng không có thiện chí đoàn tụ cùng chị H, điều này thể hiện trong quá trình anh chị sống ly thân, cả hai không quan tâm đến nhau và anh D cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D đã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị H nhưng anh D không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị Huyền và anh Duy đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H ly hôn với anh D.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con là Phạm Văn L, sinh ngày 28/6/2017 hiện nay con đang ở với anh D. Chị H đồng ý để anh D nuôi con, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của gia đình anh D và tình trạng thực tế hiện nay của hai bên để đảm bảo quyền lợi cho con. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều nhưng anh D không đến Tòa án làm việc và cũng không có quan điểm của mình. Như vậy, anh D đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, HĐXX thấy cần thiết tiếp tục giao con Phạm Văn L cho anh D trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị H, anh D đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Phạm Văn L, sinh ngày 28/6/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0004362 ngày 23/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Tú